

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN B  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 06 - 12 - 2023  
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Thanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Thuận
2. Bà Nguyễn Thị Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lại Thị Anh Thư – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An.

Ngày 06 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 516/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị N1, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện T, tỉnh Long An

**Bị đơn:** Anh Trần Văn T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp 4, xã B, huyện B, tỉnh Long An

(Các đương sự có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 30 tháng 8 năm 2023 và những lời khai tiếp theo tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N1 trình bày: Chị và anh Trần Văn T chung sống với nhau vào năm 2022 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Long An. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, đến tháng 8 năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là anh T không có trách nhiệm với vợ con, cuộc sống vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, thường*

xuyên gây gổ; anh chị đã ly thân từ tháng 9 năm 2023 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn T.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Trần Nguyễn Thảo N2, sinh ngày 21/6/2022, khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Trần Văn T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:* Anh thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị N1 về thời gian chung sống; điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn cũng như thời gian ly thân. Trong thời gian ly thân anh cố gắng tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị N1 không tha thứ quay về.

Nay chị N1 xin ly hôn anh không đồng ý vì con còn nhỏ không muốn con thiếu tình thương của cha mẹ.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Trần Nguyễn Thảo N2, sinh ngày 21/6/2022. Trong trường hợp ly hôn anh đồng ý để chị N1 tiếp tục nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Các đương sự đều thống nhất các chứng cứ của vụ án đã được giao nộp đầy đủ và được công khai đúng thủ tục nhưng kết quả hòa giải đoàn tụ không thành.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ các kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị N1 khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn T; anh Trần Văn T hiện đang cư trú tại ấp 4, xã B, huyện B, tỉnh Long An và có mặt tại địa phương nên Tòa án nhân dân huyện B thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N1 và anh Trần Văn T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Long An nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Thấy rằng, trong quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị N1 cho rằng do cuộc sống vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành nên anh chị đã ly thân từ tháng 9/2023 đến nay.

Trước tòa chị N1 cương quyết xin ly hôn anh T, ngược lại anh T không đồng ý ly hôn nhưng anh T cũng xác nhận cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn như chị N1 trình bày.

Xét thấy: Chị Nguyễn Thị N1 và anh Trần Văn T từ khi sống ly thân đến nay, anh Trần Văn T không tìm ra được biện pháp nào để vợ chồng đoàn tụ, trong khi chị N1 xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với anh T nên kiên quyết yêu cầu ly hôn. Mặt khác, từ ngày Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, anh chị vẫn chưa giải quyết được những mâu thuẫn phát sinh và không tìm ra được phương hướng đoàn tụ, càng trình bày mâu thuẫn giữa anh chị càng trầm trọng hơn, cho thấy dù đã cố gắng nhưng anh chị không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những phân tích trên, thấy rằng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N1 và anh Trần Văn T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị N1 đối với anh T là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị N1 và anh Trần Văn T thống nhất có 01 con chung Trần Nguyễn Thảo N2, sinh ngày 21/6/2022. Trong trường hợp ly hôn chị N1 và anh T thống nhất để chị N1 tiếp tục nuôi con chung, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị N1 không yêu cầu. Xét thấy con chung Trần Nguyễn Thảo N2, sinh ngày 21/6/2022 dưới 03 tuổi cần sự chăm sóc của người mẹ nên sự tự nguyện thỏa thuận về con chung giữa các đương sự phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N1 và anh Trần Văn T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị N1 và anh Trần Văn T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N1 phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 273, 483, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, 56, 81, 82, 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N1 đối với anh Trần Văn T về việc “Ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N1 được ly hôn với anh Trần Văn T.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị N1 được quyền nuôi dưỡng con chung tên Trần Nguyễn Thảo N2, sinh ngày 21/6/2022. Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị N1 không yêu cầu.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị N1 và anh Trần Văn T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N1 phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0010502 ngày 19/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Long An sang án phí để thi hành.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện B;
- UBND xã B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Kim Thanh**

